

Số: 01/2026/QĐ-TM

Lạng Sơn, ngày 03 tháng 4 năm 2026

V/v công bố công khai năng lực hoạt động
thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Toàn Minh;

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Toàn Minh.

Địa chỉ: số 16, đường Thác Trà, khối Trần Quang Khải 1, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty TNHH Một thành viên Đăng ký lần đầu ngày 29/01/2024, Công ty TNHH Hai thành viên trở lên Đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 21/01/2026 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở tài chính tỉnh Lạng Sơn cấp.

Mã số thuế: 4900903749.

2. Thông tin phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Trưởng phòng: Phạm Toàn Thắng

(Kế thừa năng lực, kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 36.006 do Sở xây dựng Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 02/GCN-SXD ngày 19/5/2025)

Địa chỉ: số 16, đường Thác Trà, khối Trần Quang Khải 1, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.



3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Có danh mục kèm theo quyết định này).

4. Danh mục các thiết bị, dụng cụ để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Có danh mục kèm theo quyết định này).

5. Danh mục các thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Có danh mục kèm theo quyết định này).

6. Tất cả các nội dung của Quyết định này được công bố công khai tại Website: <https://toanminh.com/cong-bo-nang-luc>.

Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Toàn Minh cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Sở xây dựng Lạng Sơn;
- Sở xây dựng các tỉnh (nơi đặt trạm thí nghiệm hiện trường);
- Các nhà thầu;
- Các đơn vị tư vấn giám sát;
- Lưu VP công ty;

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
VÀ XÂY DỰNG TOÀN MINH**



GIÁM ĐỐC
Võ Đình Phú



DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

(Kèm theo Quyết định số 01/2026/QĐ-TM ngày 03/4/2026 của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Toàn Minh)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	- Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
2	- Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
3	- Giới hạn bền uốn, nén	TCVN 6016:2011
4	- Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
5	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106: 2022
6	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
7	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
8	- Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022
9	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
10	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
11	- Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115: 2022
12	- Xác định tính thấm và hệ số thấm nước bê tông	TCVN 3116:2022
13	- Độ co ngót của bê tông	TCVN 3117: 2022
14	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022 ; TCVN 239:2006; TCVN 12252:2020;
15	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119: 2022
16	- Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120: 2022
17	- Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012

18	- Xác định các tính chất của bê tông tự đầm	TCVN12209-2018; TCVN12301-2018;
19	- Xác định hàm lượng sunfat	TCVN 9336:2012
III	CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
20	- Cát mịn cho bê tông và vữa	TCVN 10796:2015
21	- Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
22	- Thành phần cỡ hạt và modun độ lớn	TCVN 7572-2:2006
23	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
24	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
25	- Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:2006
26	- Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006
27	- Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
28	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
29	- Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
30	- Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
31	- Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
32	- Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
33	-Xác định khả năng phản ứng kiềm- silic	TCVN 7572-14:2006
34	- Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006
35	- Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN 7572-16:2006
36	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá trong đá dăm (sỏi)	TCVN 7572-17:2006

37	- Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
38	- Xác định đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91
IV	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
39	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất.	TCVN 3121-1:2022
40	- Xác định độ lưu động của vữa tươi (PP bàn dẫn).	TCVN 3121-3:2022
41	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi.	TCVN 3121-6:2022
42	- Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi.	TCVN 3121-8:2022
43	- Xác định thời gian bắt đầu đông kết.	TCVN 3121-9:2022
44	- Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn.	TCVN 3121-10:2022
45	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn.	TCVN 3121-11:2022
46	-Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn.	TCVN 3121-18:2022
V	KIỂM TRA VẬT LIỆU KIM LOẠI	
47	- Thử kéo	TCVN 197:2014
48	- Thử uốn	TCVN 198:2008
49	- Kiểm tra chất lượng mối hàn - thử uốn	TCVN 5401:2010; TCVN 5403:2010
50	- Thử kéo bulông – đai ốc	TCVN 1916:1995;
VI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG	
51	- Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
52	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
53	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
54	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
55	- Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:2009

56	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
VII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC)	
57	- Xác định kích thước; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén; Xác định độ co khô	TCVN 7595:2011
VIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
58	- Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ rỗng; Xác định độ thấm nước; Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
IX	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERRAZZO	
59	- Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định độ co khô; Xác định bền băng giá	TCVN 7744:2013
X	GẠCH BÊ TÔNG NHẸ	
60	- Xác định kích thước; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén; Xác định cường độ nén; Xác định độ co khô; Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017
XI	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
61	- Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước;	TCVN 6476:1999
XII	GẠCH GÓM ỐP LÁT	
62	- Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối, khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
63	- Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016
XIII	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỰA TƯƠNG AXÍT	
64	- Xác định độ kim lún ở 25°C và chỉ số kim lún PI của nhựa	TCVN 7495:2005
65	- Xác định độ kéo dài và độ đàn hồi của nhựa ở 25oC	TCVN 7496:2005
66	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005

67	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005
68	- Xác định lượng tồn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005
69	- Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005
70	- Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005
71	- Xác định độ nhớt động	TCVN 7502:2005
72	- Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
73	- Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
74	- Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
75	- Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
76	- Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
77	- Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
78	- Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
79	- Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
80	- Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
81	- Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
82	- Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
83	- Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh; phân tách chậm	TCVN 8817-11:2011; TCVN 8817-12:2011
84	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
85	- Xác định độ bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
86	- Độ đàn hồi của nhựa polime	22 TCN 319:2004
87	- Độ ổn định lưu trữ của nhựa polime	22 TCN 319:2004
XIV	THÍ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BỘT KHOÁNG	

88	- Hình dáng bề ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hàm lượng chất hoà tan trong nước; KLTT Và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất Và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng; Hệ số bão hòa nước	22 TCN 58:1984
XV	BÊ TÔNG NHỰA	
89	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
90	- Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011
91	- Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
92	- Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
93	- Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
94	- Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
95	- Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
96	- Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8: 2011
97	- Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9: 2011
98	- Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10: 2011
99	- Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11: 2011
100	- Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12: 2011
XVI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
101	- Xác định hàm lượng hữu cơ bằng phương pháp lò nung	AASHTO T267-86
102	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012

103	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
104	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
105	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012
106	- Xác định Độ chặt đầm nén trong phòng	TCVN 4201:2012; 22 TCN 333:2006; TCVN 12790:2020
107	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) Phương pháp dao vòng	TCVN 4202:2012
108	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332:2006; TCVN 12792:2020
109	- Đất xây dựng công trình thủy lợi - PP xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
110	- Đất xây dựng công trình thủy lợi - PP xác định các đặc trưng co ngót của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8720:2012
111	- Đất xây dựng công trình thủy lợi – PP xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
112	- Đất xây dựng công trình thủy lợi - PP xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012
113	- Đất xây dựng công trình thủy lợi – PP xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
114	- Cọc xi măng đất, hỗn hợp đất gia cố xi măng	TCVN 9403: 2012
115	- Xác định hàm lượng hữu cơ và hàm lượng muối trong đất	TCVN 8726:2012; TCVN 8727:2012; TCVN 9436:2012
116	- Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013 ASTM C42M
117	- Xác định cường độ ép chế	TCVN 8862-2011
118	- Đá ốp, lát tự nhiên: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Xác định độ hút nước và khối	TCVN 4732:2016

	lượng thể tích; Xác định độ bền uốn	
XVII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
119	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 8730:2012
120	- Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22 TCN 346:2006; TCVN 8729:2012
121	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
122	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866-2011
123	- Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
124	- Kiểm tra kết cấu bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334-2012
125	- Chống sét cho công trình xây dựng - Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
126	- Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393-2012



**DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ ĐỂ THỰC HIỆN
CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM**

(Kèm theo Quyết định số: 01/2026/QĐ-TM ngày 03/4/2026 của Công ty TNHH Tư vấn và
Xây dựng Toàn Minh)

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Model và các đặc trung kỹ thuật	Xuất xứ	Số lượng
1	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn	Model: WE-1000B Seri: 707101 Phạm vi đo: (0 -:- 1000)KN 3 thang lực 200, 500, 1000KN	Trung Quốc	1
2	Máy thử độ bền nén	Model: TYA-2000 Số: 2008875 Phạm vi đo: (0 -:- 2000)KN	Trung Quốc	1
3	Máy nén CBR	Model: CBR-50KN Vòng đo lực: - Số: R0208 - Có Phạm vi đo: (0 -:- 50) KN - Độ chia: 0.01mm	Việt Nam	1
4	Máy nén Marshall	Model: LWD-3A Phạm vi đo lực: (0 -:- 50) KN Phạm vi đo chuyển vị: (0 -:- 20)mm	Trung Quốc	1
5	Máy thử thấm bê tông	Model: HS -40 Áp kế lò xo có phạm vi đo: (0 -:- 4)Mpa Độ chia: 0.05MPa		1
6	Máy mài mòn Los Angeles	Hiển thị số tốc độ quay: 32-33v/p Kích thước thùng quay: D711±5 L508±5mm Cung cấp bao gồm: máy chính, 12 viên bi thép, khay hứng vật liệu	Trung Quốc	1



7	Máy thử độ giãn dài nhựa	Model SY-1.5 Số: 709001	Trung Quốc	1
8	Dụng cụ xác định độ hoá mềm nhựa	Model: DF - 12	Trung Quốc	1
9	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa,	Model: SYD-3536	Trung Quốc	1
10	Thiết bị thí nghiệm đo độ kim lún nhựa tự động.	Model: IV-2000	Trung Quốc	1
11	Máy chiết nhựa ly tâm,	Model: DLC-III	Trung Quốc	1
12	Máy dẫn vữa	Model: ZS-15	Trung Quốc	1
13	Máy đo điện trở	Model: KyoRisu KEW4105A	Thái Lan	1
14	Máy khoan rút lõi		Trung Quốc	1
15	Máy phát điện	3KW/h	Trung Quốc	1
16	Súng bật nảy	Model: Test Hammer	Trung Quốc	1
17	Bộ thiết bị thí nghiệm nén tĩnh	(Kích thủy lực 100T; đồng hồ đo áp, đồng hồ đo chuyển vị; bơm dầu...)	Việt Nam	1
18	Bể ổn nhiệt Marshall	Model: HHW-2	Trung Quốc	1
19	Tủ sấy	Model: HN101-2A (loại chỉ thị hiện số) nhiệt độ tối đa 300°C	Trung Quốc	1
20	Lò nung	Model: SX2-4-10A	Trung Quốc	1
21	Cân điện tử	Model: DS6002 Seri: 7025421066 Mmax= 6000 g Giá trị độ chia nhỏ nhất: d=0,02g	Trung Quốc	1

22	Cân điện tử	Model: GS ALC - 15 Seri: 4838864147 Mmax= 15 kg Giá trị độ chia nhỏ nhất: d=0,5g	Trung Quốc	1
23	Thiết bị đầm tạo mẫu Marshall, đầm mẫu bằng tay.		Trung Quốc	1
24	Bình hút ẩm	D300mm	Trung Quốc	2
25	Bình hút chân không		Trung Quốc	1
26	Bình tam giác	250ml	Trung Quốc	2
27	Bình trụ	1000ml	Trung Quốc	4
28	Bình trụ	500ml	Trung Quốc	2
29	Bình trụ	250ml	Trung Quốc	2
30	Pipet 100ml		Việt Nam	1
31	Phễu thuỷ tinh Ø50		Việt Nam	1
32	Cối chày sứ		Việt Nam	1
33	Cối chày đồng		Việt Nam	1
34	Khay inox 30x40cm		Việt Nam	3
35	Nhiệt kế thuỷ tinh 0- 100°C		Việt Nam	2
36	Bộ xilanh thử nén đập đá, đường kính 150		Việt Nam	1
37	Bộ xilanh thử nén đập đá, đường kính 75 mm		Việt Nam	1
38	Thùng thử độ bụi bùn sét của cát, đá		Việt Nam	2
39	Côn thử độ xốp đá		Việt Nam	1

40	Côn thử độ xốp cát		Việt Nam	1
41	Bộ chia mẫu cát		Việt Nam	1
42	Bộ chia mẫu đá		Việt Nam	2
43	Bộ sàng cát	D300mm theo tiêu chuẩn Việt Nam bao gồm các cỡ sàng: 0,14; 0,315; 0,63; 1,25; 2,5; 5; đáy và nắp sàng	Trung Quốc	1
44	Bộ sàng đá và nắp sàng	D300mm theo tiêu chuẩn Việt Nam bao gồm các cỡ sàng: 5; 10; 20; 40; 70; 100; đáy	Trung Quốc	1
45	Bảng so màu		Trung Quốc	1
46	Thước đo hạt thoi dẹt		Trung Quốc	1
47	Thùng định lượng tiêu chuẩn	1, 2, 5, 10, 20 lít	Việt Nam	5
48	Bộ xác định đương lượng cát		Trung Quốc	1
49	Khuôn đúc mẫu bê tông	150 x 150 x 150mm, vật liệu nhựa	Việt Nam	30
50	Khuôn đúc mẫu bê tông trụ	150 x 300mm, vật liệu nhựa	Việt Nam	9
51	Khuôn đúc mẫu bê tông	200x200x200 mm, vật liệu nhựa	Việt Nam	15
52	Bộ côn thử độ sụt bê tông		Việt Nam	1
53	Bộ gá uốn mẫu bê tông		Trung Quốc	1
54	Khuôn Le Chatelie		Trung Quốc	1
55	Khuôn đúc mẫu vữa	Kích thước: 4x4x16 mm	Trung Quốc	3
56	Bình tỷ trọng	300ml	Trung Quốc	2
57	Bình tỷ trọng	100 ml	Trung Quốc	2

58	Sàng xi măng 0,045mm	D300mm	Trung Quốc	1
59	Sàng xi măng 0,09mm	D300mm	Trung Quốc	1
60	Bộ gối uôn - nén mẫu xi măng		Trung Quốc	1
61	Dao vòng	D61,8xH20 mm	Trung Quốc	1
62	Hộp nhôm đựng mẫu		Việt Nam	15
63	Dao cắt, gạt và lấy mẫu đất		Việt Nam	2
64	Cối đầm Proctor tiêu chuẩn		Việt Nam	3
65	Cối đầm Proctor cải tiến		Việt Nam	5
66	Bộ sàng đất tiêu chuẩn	D300mm (bao gồm 07 cỡ sàng kèm đáy + nắp sàng)	Trung Quốc	1
67	Tỷ trọng kế	151H	Trung Quốc	1
68	Tỷ trọng kế	152H	Trung Quốc	1
69	Dụng cụ Vaxiliep		Trung Quốc	2
70	Dụng cụ Casagrande		Trung Quốc	1
71	Bộ sàng cấp phối đá dăm	D300mm (bao gồm 14 cỡ sàng kèm đáy+ nắp sàng)	Trung Quốc	1
72	Bộ phễu rót cát		Việt Nam	3
73	Bộ dao đai lấy mẫu hiện trường	Bao gồm: 03 dao, chày đóng, cần dẫn hướng	Trung Quốc	1
74	Thước thẳng 3m	Bao gồm thước nhôm 3m, nêm đo độ thẳng	Trung Quốc	1
75	Bộ đo độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát		Trung Quốc	1

DANH SÁCH THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

(Kèm theo Quyết định số: 01/2026/QĐ-TM ngày 03/4/2026 của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Toàn Minh)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức năng, nhiệm vụ
1	Võ Đình Phú	Giám đốc công ty	- Điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của công ty. - Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra cho khách hàng.
2	Phạm Toàn Thắng	Trưởng phòng thí nghiệm	- Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của phòng thí nghiệm. - Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng, trước ban lãnh đạo công ty và trước pháp luật. - Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty xây dựng chính sách chất lượng, định hướng phát triển của phòng thí nghiệm, xây dựng mối quan hệ với khách hàng. - Tổ chức sắp xếp, tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty tổ chức sắp xếp cán bộ nhân sự cho phòng thí nghiệm theo nhu cầu công việc để đạt được hiệu quả cao nhất. - Trực tiếp điều động nhân sự

			trong phòng thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến độ của công việc. - Điều hành hoạt động của các Trạm thí nghiệm tại hiện trường khi có công trình yêu cầu đặt phòng thí nghiệm. - Quản lý trang thiết bị thí nghiệm, có kế hoạch trong phòng thí nghiệm đảm bảo công tác quản lý tài sản của Công ty. - Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí nghiệm hiện hành theo quy định. - Trực tiếp tham gia thí nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thí nghiệm của mình khi yêu cầu công việc cần sự đáp ứng về tiến độ, trình độ năng lực - Đề xuất với Ban lãnh đạo công ty về các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho các thí nghiệm viên. - Quản lý trực tiếp quản lý hồ sơ, kết quả thí nghiệm, tiến độ các công trình mà công ty tham gia thí nghiệm. - Quản lý trực tiếp hồ sơ, kết quả thí nghiệm, tiến độ các công trình mà công ty tham gia thí nghiệm. 1, Thử nghiệm cơ lý xi măng 2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng 3, Thí nghiệm (Cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi 4, Thử nghiệm vữa xây dựng 5, Thí nghiệm thép – kim loại và mối hàn 6, Thí nghiệm nhựa bitum, nhựa đường, bê tông nhựa.
--	--	--	--



			7, Thí nghiệm đất, cấp phối đá dăm. 8, Thí nghiệm ngoài hiện trường. 9, Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc
3	Nguyễn Thị Mừng	Nhân Viên thí nghiệm	Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực: 1, Thử nghiệm cơ lý xi măng 2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng 3, Thí nghiệm (Cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi 4, Thử nghiệm vữa xây dựng 5, Thí nghiệm thép – kim loại và mối hàn 6, Thí nghiệm nhựa bitum, nhựa đường, bê tông nhựa. 7, Thí nghiệm đất, cấp phối đá dăm. 8, Thí nghiệm ngoài hiện trường. 9, Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc - Lập các quy trình, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận để trả kết quả cho khách hàng - Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực - Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng - Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách

(Handwritten signature)

			- Hỗ trợ các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của cấp trên.
4	Dương Trường Hùng	Nhân Viên thí nghiệm	- Tiếp nhận tất cả các yêu cầu, thông tin phản ánh đến của khách hàng kể cả các thông tin khiếu nại của khách hàng để báo cáo Ban lãnh đạo Công ty, - Tiếp nhận mẫu, Mã hóa mẫu thí nghiệm, chuyển đến cho cán bộ thí nghiệm, vào sổ lưu mẫu, theo dõi quá trình lưu mẫu, làm biên bản hủy mẫu theo quy định - Trả Hồ sơ, kết quả thí nghiệm cho khách hàng và theo dõi Hồ sơ kết quả thí nghiệm - Theo dõi, Quản lý các mẫu lưu theo định của công ty và của yêu cầu khách hàng. Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực: 1, Thử nghiệm cơ lý xi măng 2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng 3, Thí nghiệm (Cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi 4, Thử nghiệm vữa xây dựng 5, Thí nghiệm thép – kim loại và mối hàn 6, Thí nghiệm nhựa bitum, nhựa đường, bê tông nhựa. 7, Thí nghiệm đất, cấp phối đá dăm. 8, Thí nghiệm ngoài hiện trường. - Lập các quy trình, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận để

			trả kết quả cho khách hàng - Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực - Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng - Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách - Hỗ trợ các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của cấp trên.
--	--	--	--

